TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 08-01-2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Lưu Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 247/2019/HNGĐ-ST ngày 23-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2019/QĐ-PT ngày 16/12/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đỗ Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh P bắt đầu chung sống từ năm 2000, do mai mối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P thường xuyên uống rượu về kiếm cớ gây sự, xúc phạm đến chị và gia đình chị; anh P còn cầm dao rượt đuổi chém chị. Đã nhiều lần chị về nhà cha mẹ ruột sống nhưng anh P đến năn nỉ, vì thương con nên chị bỏ qua và trở về tiếp tục chung sống với anh P. Chị và gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Từ tháng 11/2018 chị đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh P đến nay. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Chị và anh P có 02 con chung tên Đỗ Hoàng T1, sinh ngày 01/12/2000 và Đỗ Thị Kim Y, sinh ngày 26/5/2008. Do Đỗ Hoàng T1 đã trưởng thành nên chị không có yêu cầu gì; đối với cháu Đỗ Thị Kim Y hiện đang sống chung với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu Y theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng có tài sản chung là số tiền 350.000.000 đồng do anh P đang quản lý. Chị yêu cầu chia đôi số tiền này.

Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

**. Bị đơn anh Đỗ Văn P trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H đi làm công nhân may ở Thị xã C được khoảng 06 tháng thì bắt đầu lạnh nhạt với anh, không biết lý do vì sao. Từ tháng 8/2018 thì chị H chủ động ly thân với anh và đến tháng 11/2018 thì chị H dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Thời gian trước đó thì chị H cũng bỏ nhà đi vài lần vì anh uống rượu về có cự cãi với chị H do chị H không hoàn thành công việc trong gia đình, anh có năn nỉ và rước chị H về. Anh thừa nhận là trong thời gian chị H bỏ nhà đi, anh có cầm dao đến trước nhà cha mẹ vợ để tìm dọa con trai Đỗ Hoàng T1 do T1 đập phá nhà và tài sản trong nhà của vợ chồng anh. Với yêu cầu ly hôn của chị H anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị H.

Vợ chồng có 02 con chung đúng như lời trình bày của chị H. Nếu phải ly hôn, do Đỗ Hoàng T1 đã trưởng thành và lao động được nên anh không có yêu cầu gì; đối với cháu Đỗ Thị Kim Y thì anh thống nhất để chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung của vợ chồng số tiền 350.000.000 đồng, hiện anh đang quản lý. Anh đồng ý chia đôi số tiền này theo yêu cầu của chị H, anh có nghĩa vụ giao trả lại cho chị H số tiền 175.000.000 đồng.

* Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 247/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ các Điều 56, 59, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim Y, sinh ngày 26/5/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Thị Kim Y hàng tháng; mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: anh P có nghĩa vụ giao trả cho chị H số tiền 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*. Ngày 24/7/2019 anh Đỗ Văn P kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H, xin được đoàn tụ với vợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Đỗ Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn P, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Đỗ Văn P yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đúng theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H với bị đơn anh Đỗ Văn P là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của anh Đỗ Thanh P đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xin được đoàn tụ.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị H xin ly hôn anh P: Anh P thừa nhận chị H có bỏ nhà đi vài lần vì anh uống rượu về có cự cãi với chị H do chị H không hoàn thành công việc trong gia đình, chị H ly thân với anh từ tháng 8/2018 đến nay. Theo biên bản xác minh ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện G (BL19) Trưởng ấp T, xã B xác định chị H và anh P bắt đầu chung sống vào năm 2000, giữa chị H và anh P có xảy ra mâu thuẫn và chị H đã nhiều lần bỏ về cha mẹ sống. Hiện nay chị H không còn chung sống với anh P.

Theo Đơn xin xác nhận đề ngày 28/01/2019 của chị Nguyễn Thị H về việc chồng đến cửa nhà cha mẹ vợ cầm dao hăm dọa giết vợ, con cùng cha mẹ vợ được Công an xã B xác nhận theo nội dung đơn của chị H là đúng. Anh P thừa

nhận có cầm dao đến trước nhà cha mẹ vợ nhưng để tìm dọa con trai Đỗ Hoàng T1 do T1 đập phá nhà và tài sản trong nhà của vợ chồng anh là không có căn cứ.

Án sơ thẩm nhận định tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị H đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

Sau khi Tòa sơ thẩm xử, anh P kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới và cũng không có biện pháp nào hàn gắn hôn nhân, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên anh P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 59, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Văn P.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 247/2019/HNGĐ-ST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim Y, sinh ngày 26/5/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Thị Kim Y hàng tháng; mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm hiện tại tương đương 745.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: anh P có nghĩa vụ giao trả cho chị H số tiền 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Anh Đỗ Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm và 4.675.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 40432 ngày 24-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên anh P còn nộp tiếp 4.675.000 (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 4.375.000 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 39984 ngày 24/12/2018 và biên lai thu số 40251 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền